

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 365/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Bà **Lương Tuyết T**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 143<sup>A</sup>/7, khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lương Tuyết T:* Ông **Trần Đại T**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 43, đường H, Khóm 8, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:*

+ Ông **Trương Thanh V**, sinh năm 1970

+ Bà **Trang Hồng C**, sinh năm 1970

+ Chị **Trương Thị Cẩm T**, sinh năm 1988

+ Anh **Trương Thanh N**, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Số 466/7, khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa bà Lương Tuyết T với ông Trương Thanh V, bà Trang Hồng C, chị Trương Thị Cẩm T và anh Trương Thanh N.

2.1.1. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất ngày 05/3/2019 giữa bà Lương Tuyết T với ông Trương Thanh V, bà Trang Hồng C, chị Trương Thị Cẩm T và anh Trương Thanh N vô hiệu.

+ Buộc ông Trương Thanh V, bà Trang Hồng C, chị Trương Thị Cẩm T và anh Trương Thanh N cùng có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Lương Tuyết T số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Căn nhà gắn liền với phần đất có diện tích chiều ngang 4,2m x chiều dài 20m, tọa lạc tại số 466/7, khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu hiện nay ông Trương Thanh V, bà Trang Hồng C, chị Trương Thị Cẩm T và anh Trương Thanh N đang quản lý, sử dụng. Vì vậy không buộc bà Lương Tuyết T hoàn trả căn nhà gắn liền với phần đất có diện tích chiều ngang 4,2m x chiều dài 20m, tọa lạc tại số 466/7, khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cho ông Trương Thanh V, bà Trang Hồng C, chị Trương Thị Cẩm T và anh Trương Thanh N.

+ Bà Lương Tuyết T và ông Trương Thanh V, bà Trang Hồng C, chị Trương Thị Cẩm T, anh Trương Thanh N không yêu cầu Toà án giải quyết về bồi thường thiệt hại khi giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất ngày 05/3/2019 giữa bà Lương Tuyết T với ông Trương Thanh V, bà Trang Hồng C, chị Trương Thị Cẩm T và anh Trương Thanh N vô hiệu; nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

**2.2.** Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Tuyết T yêu cầu ông Trương Thanh V, bà Trang Hồng C, chị Trương Thị Cẩm T và anh Trương Thanh N trả cho bà Lương Tuyết T tiền thuê nhà 14.000.000 đồng.

**2.3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.3.1. Bà Lương Tuyết T phải chịu 575.000 đồng. Bà Lương Tuyết T đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 650.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007153 ngày 01/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyên thu án phí số tiền 575.000 đồng, bà Lương Tuyết T được hoàn lại số tiền 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

2.3.2. Ông Trương Thanh V, bà Trang Hồng C, chị Trương Thị Cẩm T và anh Trương Thanh N cùng phải chịu 575.000 đồng (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Trần Quốc Trung**